TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2025/HS-PT
Ngày: 10/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa – Thẩm tra viên, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 274/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463A/2025/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn N, sinh ngày 15/10/1988, tại Đà Nẵng, giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: tổ B, phường H (trước đây là phường H, quận L), thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: số B đường H, phường H (trước đây là phường H, quận L), thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Tấn L *(sinh năm 1958)* và bà Nguyễn Thị H *(sinh năm 1963)*; có vợ là Trần Thị Diễm Đ *(sinh năm 1989, đã ly hôn)* và có 03 con *(con lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2018)*; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2024, hiện đang bị tạm giam, có mặt.

- Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Tấn N*:* Luật sư Chế Giang S - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: C K, phường T, thành Phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị hại*:* Bà Nguyễn Thị Minh N1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: số F đường T, phường A (trước đây là phường H, quận C), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1/ Ông Mai Văn L1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: D N, phường N (trước đây là phường H, quận N), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2/ Bà Mai Lan A, sinh năm 1973. Nơi cư trú: A L, phường H (trước đây là phường H, quận H), thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

3/ Ông Phí Lam S1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ D T, phường A, (trước đây là phường A, quận T), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ D T, phường A (trước đây là phường A, quận T), thành phố Đà Nẵng;

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1 theo Giấy ủy quyền ngày 25/4/2025: Ông Phí Lam S1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ D T, phường A (trước đây là phường A, quận T), thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người kháng cáo: bị cáo, ông Phí Lam S1 và ông Mai Văn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án được tóm tắt theo Bản án sơ thẩm như sau:

Nguyễn Tấn N và bà Nguyễn Thị Minh N1 là hàng xóm của nhau. Tháng 6/2022, bà N1 nhờ N môi giới mua lại thửa đất số 180, tờ bản đồ 335, diện tích 102,5m², tại Lô C, Khu B, đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng (viết tắt Thửa đất số 180) với giá 2.400.000.000 đồng. Do cần tiền làm ăn nhưng không vay được ngân hàng, nghe bà N1 nói vậy, N nảy sinh ý định lừa bà N1 để bán lô đất của bà N1 lấy tiền tiêu xài. N nói với bà N1 sang tên lô đất của bà N1 cho N đứng tên để N thế chấp ngân hàng vay vốn giùm cho bà N1. Bà N2 nghe theo N, chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên N để N thế chấp vay giúp. Ngày 26/7/2022, tại Văn phòng C, hai bên hoàn tất thủ tục, N viết cam kết thửa đất vẫn thuộc sở hữu của bà N2 và không được chuyển nhượng cho người khác.

Tuy nhiên, sau khi được bà N2 sang tên lô đất, ngày 01/8/2022, N đã thế chấp thửa đất cho anh Mai Văn L1 để vay 1.800.000.000 đồng trong 2 tháng, lãi suất 2,5%/tháng. N đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên ông L1, cam kết khi trả đủ tiền gốc và lãi được hủy hợp đồng. Nhận tiền, N không đưa cho bà N2 mà dùng để tiêu xài cá nhân và trả nợ nhưng không nhớ rõ trả cho ai. Sao kê tài khoản không thể hiện giao dịch nào. Đến hạn trả nợ nhưng không có tiền, N bán lại thửa đất cho bà Mai Lan A với giá 1.850.000.000 đồng. Ngày 03/10/2022, ông L1 đến Văn phòng C1 hủy hợp đồng với N, rồi tại Văn phòng C2, N chuyển nhượng đất sang bà Lan A. Nhận tiền, N trả ông L1 1.800.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 15/12/2022, bà Mai Lan A bán lại thửa đất cho ông Phí Lam S1 với giá 2.050.000.000 đồng. Hiện nay, ông S1 và vợ là chủ sử dụng thửa đất. Quá trình điều tra, Nguyễn Tấn N thừa nhận hành vi phạm tội và đã khắc phục một phần hậu quả, trả lại cho bà N2 150.000.000 đồng.

Kết luận giám định số: 93/KL-KTHS ngày 19/01/2024 của Phòng K Công An thành phố Đ đối với chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Tấn N trên giấy cam kết ngày 26/7/2023 so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Tấn N kết quả là do cùng một người ký và viết ra.

Kết luận định giá tài sản số 88/KL-HDĐGTS ngày 11/11/2024 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự quận L, thành phố Đà Nẵng kết luận: Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm tháng 07/2022 của 01 (một) thửa đất (loại đất ở đô thị) số 180 là 2.316.666.666 đồng (Hai tỷ ba trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng). Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm tháng 10/2024 là 2.385.969.375 đồng (Hai tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 13/3/2024).

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 127, Điều 131 Bộ luật Dân sự:

- Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Tấn N và vợ chồng ông Phí Lam S1, bà Nguyễn Thị H1 được Văn phòng C2 công chứng số 12312 ngày 15/12/2022 đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ 335, diện tích 102,5m^2, địa chỉ Lô C, Khu B, thuộc khu tái định cư V 50m, đường N nối dài - Khu vực tiếp giáp về phía T đường N đến cầu N thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tấn N trả cho ông Mai Văn L1 số tiền 1.800.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm triệu đồng)*; buộc ông Mai Văn L1 trả cho bị cáo Nguyễn Tấn N số tiền 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* nhưng quy trừ để đảm bảo thi hành án; buộc ông Mai Văn L1 trả cho bà Mai Lan A số tiền 1.850.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)*; buộc bà Mai Lan A trả cho vợ chồng ông Phí Lam S1 bà Nguyễn Thị H1 số tiền 2.050.000.000 đồng *(Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)*, buộc vợ chồng ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh N1 quyền sử dụng đất thửa đất số 180, tờ bản đồ 335, diện tích 102,5m^2, địa chỉ Lô C, Khu B, thuộc khu tái định cư V 50m, đường N nối dài - Khu vực tiếp giáp về phía T

đường N đến cầu N thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng hiện đang do ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 373361 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp vào ngày 06/01/2023; bà Nguyễn Thị Minh N1 có nghĩa vụ trả lại 150.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho bị cáo N để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Minh N1 và Nguyễn Tấn N, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09/5/2025, bị cáo Nguyễn Tấn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phí Lam S1 kháng cáo xin tuyên huỷ phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với vợ chồng ông.

Ngày 30/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn L1 kháng cáo đề nghị xem xét phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn N, huỷ toàn bộ phần trách nhiệm dân sự, trong đó huỷ phần nội dung buộc ông Mai Văn L1 trả cho bị cáo Nguyễn Tấn N số tiền 40.000.000 đồng; huỷ phần nội dung buộc ông Mai Văn L1 trả cho bà Mai Lan A số tiền 1.850.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: đề nghị HĐXX sửa một phần bản án hình sự về phần liên quan đến phần dân sự, theo hướng sau khi khấu trừ số tiền hưởng lợi trả cho ông Phí Lam S1, số tiền còn lại là 1.610.000.000 đồng buộc bị cáo trả cho ông S1.

Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo trình bày: bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo động viên gia đình để khắc phục cho bị hại, bị cáo đã ly hôn vợ, con nhỏ phải gửi ông bà nội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo phần hình phạt.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phí Lam S1: đề nghị HĐXX xem xét lại ý chí của bà N1, bà đã chuyển cho bị cáo đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản thân vợ chồng ông tin tưởng vào GCNQSD đất bị cáo đứng tên nên ông mới mua lô đất này, vợ chồng ông quá thiệt hại.

Luật sư và ông Mai Văn L1: xin rút phần kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo về phần dân sự không buộc ông L1 trả cho bà Mai Lan A số tiền 1,85 tỷ và số tiền 90 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở kết luận: Nguyễn Tấn N do cần tiền tiêu xài và trả nợ, vào tháng 7 năm 2022, biết được chị Nguyễn Thị Minh N1 có nhu cầu vay vốn ngân hàng nhưng vay không được, Nguyễn Tấn N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị N1 nên đã đưa ra thông tin gian dối yêu cầu chị N1 lập thủ tục chuyển nhượng cho N thửa đất số 180, tờ bản đồ 335, diện tích 102,5m^2, địa chỉ Lô C, Khu B, vệt 50m, đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng trị giá 2.316.666.665 đồng (*hai tỷ ba trăm mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*). Sau khi hoàn tất chuyển nhượng tại văn phòng công chứng và cam kết viết tay không chuyển nhượng tài sản, N không thực hiện vay ngân hàng như đã hứa với chị N1 mà đã đem thế chấp lô đất, vay 1.800.000.000 đồng từ ông Mai Văn L1, rồi sau đó N chuyển nhượng thửa đất cho bà Mai Lan A và cuối cùng đất được chuyển nhượng cho ông Phí Lam S1. Toàn bộ số tiền vay và bán đất, N dùng để tiêu xài cá nhân và trả nợ, không đưa cho chị N1. Vì vậy, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm truy tố, Toà án cấp sơ thẩm kết bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Nội dung kháng cáo:

[2.1] Về tội danh và hình phạt: hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội, nên việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, điều tra, truy tố xét xử nhằm mục đích răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, trên cơ sở đó xử phạt bị cáo 1 *(mười hai)* năm tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, không có tình tiết mới, bị cáo chưa khắc phục thêm cho các bị hại nên HĐXX phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2.2] Về phần trách nhiệm Dân sự:

[2.2.1] Sau khi được chị N1 sang tên quyền sử dụng đối với thửa đất số 180, bị cáo N đã mang thế chấp cho ông Mai Tấn L2, vay 1,8 tỷ đồng thời hạn 02 tháng; hết thời hạn để có tiền trả nợ cho anh L2, N chuyển nhượng lô đất cho bà Mai Lan A 1,85 tỷ đồng, và với hợp đồng cuối cùng giữa bị cáo N và vợ chồng ông Phí Lam S1 ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng thực tế là 2,050 tỷ đồng. Xét, T đất số 180 là tài sản của chị N1, bị cáo Nguyễn Tấn N đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt quyền sử dụng đất hợp pháp của chị Nguyễn Thị Minh N1, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đây là vật chứng tội phạm nên các giao dịch liên quan đến thửa đất số 180 là vô hiệu, không có giá trị pháp lý, người đang chiếm giữ tài sản này không thuộc trường hợp người thứ ba ngay tình thuộc trường hợp được bảo vệ quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông Phí Lam S1 trả lại quyền sử dụng đất cho bà N1 và hủy hợp đồng chuyển nhương quyền sử dụng đất giữa bị cáo N và vợ chồng ông S1 là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm quyết định hoàn dòng tiền N trả cho ông L2, ông L2 trả cho bà A, bà A trả cho vợ chồng ông S1 là không đúng, không phù hợp. Bởi: thứ nhất, ông L2, bà A, vợ chồng ông S1 không biết Thửa đất này là tài sản bất hợp pháp, do N thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt; thứ hai, dòng tiền nay không phải là vật chứng, đã được lưu thông; thứ ba, 02 hợp đồng giao dịch giữa N và ông L2, giữa N và Mai Lan A đã được chấm dứt do có văn bản hủy tại Văn phòng Công chứng, số tiền hưởng lợi từ hợp đồng giao dịch này, nên cần buộc hoàn cho nhau mới chấm dứt toàn bộ các giao dịch này. Căn cứ Điều 378 Bộ luật Dân sự về việc khấu trừ nghĩa vụ, theo đó, các bên phải hoàn số tiền hưởng lợi và sau khi khấu trừ, buộc bị cáo N trả số tiền còn lại cho vợ chồng ông Phí Lam S1.

[2.2.2] Từ các phân tích [2.2.1], HĐXX phúc thẩm cần sửa một phần bản án hình sự liên quan đến phần trách nhiệm dân sự: chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với phần trách nhiệm dân sự; buộc vợ chồng ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh N1 quyền sử dụng đất thửa đất số 180, tờ bản đồ 335, diện tích 102,5m^2, địa chỉ Lô C, Khu B, thuộc khu tái định cư V 50m, đường N nối dài - Khu vực tiếp giáp về phía T đường N đến cầu N thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng hiện đang do ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 373361 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp vào ngày 06/01/2023; vợ chồng ông Phí Lam S1 bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại tổng số tiền 2.050.000.000 đồng từ việc buộc: ông Mai Văn L1 hoàn số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), bà Mai Lan A hoàn số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng),* bà Nguyễn Thị Minh N1 hoàn số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*; số tiền còn lại là 1.610.000.000 đồng buộc bị cáo Nguyễn Tấn N trả cho vợ chồng ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1;

[3] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí:

[5.1] Án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: phần dân sự được chấp nhận một phần nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 378 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

1.1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn N.

1.2. Chấp nhận một phần kháng cáo liên quan một phần dân sự; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 66//2025/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng liên quan đến phần Dân sự;

2. Tuyên:

2.1. Về phần hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn N 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày13/3/2024).

2.2. Về phần dân sự:

2.2.1. Buộc ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh N1 quyền sử dụng đất thửa đất số 180, tờ bản đồ 335, diện tích 102,5m^2, địa chỉ Lô C, Khu B, thuộc khu tái định cư V 50m, đường N nối dài - Khu vực tiếp giáp về phía T đường N đến cầu N thuộc phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng hiện đang do ông Phí Lam S1 và bà Nguyễn Thị H1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DG 373361 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp vào ngày 06/01/2023.

2.2.2. Ông Phí Lam S1, bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại tổng số tiền 2.050.000.000 đồng (*hai tỷ không trăm năm mươi ngàn đồng*), từ:

Buộc ông Mai Văn L1 hoàn số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*);

Buộc bà Mai Lan A hoàn số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*;

Buộc bà Nguyễn Thị Minh N1 hoàn số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*;

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn N trả cho vợ chồng ông Phí Lam S1 bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 1.610.000.000 đồng (*một tỷ sáu trăm mười triệu đồng*).

Khi Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí:

3.1. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Tấn N phải chịu 200.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo ông Mai Văn L1, ông Phí Lam S1 không phải chịu.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam công an TP Đà Nẵng (02 bản, giao cho bị cáo Nguyễn Tấn Nghĩa 01 bản);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung